

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Dự toán mua sắm tập trung vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh
và dự phòng cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định
từ Quý IV năm 2023 đến hết Quý III năm 2024**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023 ngày 03/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 04/3/2023 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hoá và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định; Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 11/04/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Bệnh viện đa khoa tỉnh tại Tờ trình số 8064/TTr-BVĐKT ngày 11/8/2023 và đề nghị của Sở Y tế tại Báo cáo thẩm định dự toán mua sắm và kế hoạch lựa chọn nhà thầu số 310/BC-SYT ngày 18/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu cụ thể như sau:

1. Phê duyệt dự toán:

a) Tên dự toán: Dự toán mua sắm tập trung vật tư y tế phục vụ công tác khám, chữa bệnh và dự phòng cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định từ Quý IV năm 2023 đến hết Quý III năm 2024.

b) Tổng giá trị dự toán: 32.290.499.229 đồng (Ba mươi hai tỷ, hai trăm chín mươi triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm hai mươi chín đồng).

Giá dự toán mua sắm vật tư y tế đã bao gồm: Giá bán, thuế VAT, thuế nhập khẩu (nếu có), các chi phí vận chuyển, bốc dỡ và các chi phí khác có liên quan để cung ứng vật tư y tế đến tận kho khoa dược của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định có đăng ký mua sắm tập trung và ký kết hợp đồng mua sắm.

c) Danh mục vật tư y tế mua sắm: Theo 01 phụ lục đính kèm Bảng tổng hợp kế hoạch lựa chọn nhà thầu kèm theo Quyết định này.

d) Nguồn vốn mua sắm: Nguồn ngân sách Nhà nước cấp, nguồn Quỹ Bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của các cơ sở y tế.

2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Đơn vị mua sắm tập trung/Bên mời thầu: Bệnh viện đa khoa tỉnh.

b) Cách thức thực hiện mua sắm: Mua sắm tập trung theo hình thức ký thỏa thuận khung.

c) Đơn vị sử dụng, trực tiếp ký kết, thực hiện hợp đồng mua sắm và thanh toán cho nhà thầu trúng thầu: Các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định có đăng ký mua sắm tập trung vật tư y tế phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh và dự phòng.

d) Phần công việc đã thực hiện:

- Lựa chọn danh mục, số lượng, quy cách, tiêu chuẩn, tính năng kỹ thuật và hiệu quả sử dụng vật tư y tế mua sắm: Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh, Thủ trưởng các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật theo quy định.

- Tổng hợp danh mục, số lượng, quy cách, tính năng kỹ thuật; xây dựng, lựa chọn đơn giá từng mặt hàng; phê duyệt danh mục, số lượng vật tư y tế cần mua sắm; lập, trình duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung vật tư y tế: Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật theo quy định.

- Tổ chức thẩm định, trình duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tập trung vật tư y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định: Sở Y tế tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật theo quy định.

đ) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Có Bảng tổng hợp kế hoạch lựa chọn nhà thầu và Phụ lục danh mục chi tiết vật tư y tế của gói thầu kèm theo Quyết định này.

- Tổng giá trị gói thầu: **32.290.499.229 đồng** (Ba mươi hai tỷ, hai trăm chín mươi triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm hai mươi chín đồng).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức lựa chọn nhà thầu theo đúng kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt tại Điều 1 và thực hiện nhiệm vụ của Đơn vị mua sắm tập trung theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Thủ trưởng các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định có đăng ký danh mục mua sắm tập trung vật tư y tế chịu trách nhiệm ký kết hợp đồng và thực hiện nghĩa vụ hợp đồng với nhà thầu trúng thầu sau khi có kết quả lựa chọn nhà thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Giám đốc Sở Y tế chịu trách nhiệm chỉ đạo việc kiểm tra, giám sát Bệnh viện đa khoa tỉnh trong việc thực hiện mua sắm tập trung vật tư y tế theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này; việc ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng mua sắm của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định có đăng ký danh mục mua sắm tập trung vật tư y tế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bệnh viện đa khoa tỉnh; Thủ trưởng các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định có đăng ký danh mục mua sắm tập trung vật tư y tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT Lâm Hải Giang;
- PVPVX;
- Lưu: VP, K15.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

**Bảng tổng hợp kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm tập trung vật tư y tế
cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định từ Quý IV năm 2023 đến hết Quý III năm 2024**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Mua sắm vật tư y tế dùng chung (Danh mục vật tư y tế mua sắm có 44 mặt hàng, theo Phụ lục đính kèm)	32.290.499.229	Bao gồm: Nguồn ngân sách Nhà nước cấp, nguồn quỹ Bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định.	Đấu thầu rộng rãi trong nước (qua Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia)	01 (một) giai đoạn, 02 (hai) túi hồ sơ	Từ tháng 8 năm 2023	Hợp đồng trọn gói theo từng mặt hàng (từng phần độc lập của gói thầu)	12 tháng, kể từ khi hợp đồng có hiệu lực
Tổng giá trị gói thầu: 32.290.499.229 đồng (Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ, hai trăm chín mươi triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, hai trăm hai mươi chín đồng)								

Ghi chú: Giá mua sắm vật tư y tế đã bao gồm: Giá bán, thuế VAT, thuế nhập khẩu (nếu có), các chi phí vận chuyển, bốc dỡ và các chi phí khác có liên quan để cung ứng vật tư y tế đến tận kho khoa dược của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định có đăng ký mua sắm tập trung và ký kết hợp đồng mua sắm./.



PHỤ LỤC DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ MUA SẴM

Gói thầu: Mua sắm vật tư y tế dùng chung

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Băng dính vải	* Kích thước: 2,5cm x 5m * Thành phần: Vải lụa, 100% sợi cellulose acetate, keo oxyd kẽm không dùng dung môi * Trọng lượng 50-60g/m ² , lực dính 1,8-5,5 N/cm.	Cuộn	123.828	19.500	2.414.646.000
2	Băng thun	* 3 móc. * Kích thước: 10cm x 4,5m * Chất liệu: sợi polyester và sợi cao su hoặc sợi polyester và sợi cotton	Cuộn	16.945	15.000	254.175.000
3	Bơm tiêm nhựa 0,5ml	* Dung tích: 0,5ml * Thành phần: + Kim: chất liệu thép không gỉ. Kim 30G + Ống xylanh, Pit tông: chất liệu nhựa dùng trong y tế. + Gioăng: chất liệu cao su dùng trong y tế.	Cái	11.200	1.365	15.288.000
4	Bơm tiêm nhựa 10ml	* Dung tích: 10ml * Thành phần: + Kim: chất liệu thép không gỉ, kim 23G, 25G. + Ống Xylanh, Pit tông: chất liệu nhựa dùng trong y tế. + Gioăng: chất liệu cao su dùng trong y tế.	Cái	1.430.924	980	1.402.305.520
5	Bơm tiêm nhựa 20ml	* Dung tích: 20ml * Thành phần: + Kim: chất liệu thép không gỉ, kim 23G. + Ống Xy lanh, Pit tông: chất liệu nhựa dùng trong y tế. + Gioăng: chất liệu cao su dùng trong y tế.	Cái	300.784	1.800	541.411.200
6	Bơm tiêm nhựa 50ml	* Dung tích: 50ml dùng cho bơm tiêm điện. * Thành phần: + Ống Xy lanh, Pit tông: chất liệu nhựa dùng trong y tế. + Gioăng: chất liệu cao su dùng trong y tế. - Có đầu khóa Luer.	Cái	39.237	10.500	411.988.500
7	Bơm tiêm nhựa 5ml	* Dung tích: 5ml * Thành phần: + Kim: chất liệu thép không gỉ, kim 22Gx1.½ inch + Ống Xy lanh, Pit tông: chất liệu nhựa dùng trong y tế. + Gioăng: chất liệu cao su dùng trong y tế.	Cái	98.000	750	73.500.000



STT	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
8	Bơm tiêm nhựa 5ml	* Dung tích: 5ml * Thành phần: + Kim: chất liệu thép không gỉ, kim 23G, 25G + Ống Xy lanh, Pit tông: chất liệu nhựa dùng trong y tế. + Gioăng: chất liệu cao su dùng trong y tế.	Cái	2.388.000	670	1.599.960.000
9	Bông tiêm thuốc	* Chất liệu: 100% sợi cotton từ bông xơ tự nhiên. * Tốc độ hút nước ≤ 10 giây. * Kích thước: 20mm x 20mm. Gói 0,5kg.	Gói	6.518	85.000	554.030.000
10	Bông y tế hút nước	* Chất liệu: 100% sợi cotton từ bông xơ tự nhiên. * Tốc độ hút nước ≤ 10 giây.	Kg	3.520	150.000	528.000.000
11	Chỉ phẫu thuật không tan (Chỉ khâu không tiêu) tổng hợp đơn sợi	Nylon/Polyamide số 3/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác dài 24mm - 26mm, 3/8C. Kim thép 302 trở lên, phủ silicon.	Tép	40.663	25.000	1.016.575.000
12	Chỉ phẫu thuật tan đơn sợi thiên nhiên (Chỉ khâu tiêu đơn sợi tự nhiên)	Chromic Catgut số 2/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn dài 30mm, 1/2C. Kim thép 302 trở lên, phủ silicon.	Tép	10.884	23.100	251.420.400
13	Chỉ phẫu thuật tan (Chỉ khâu tiêu) tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910 số 0, dài ≥ 90 cm, kim tròn dài 40mm, 1/2C. Kim thép 302 trở lên, phủ silicon. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).	Tép	1.990	69.900	139.101.000
14	Chỉ phẫu thuật tan (Chỉ khâu tiêu) tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910 số 1, dài ≥ 90 cm, kim tròn dài 30mm, 1/2C. Kim thép 302 trở lên, phủ silicon. Thời gian tan hoàn toàn từ 56 đến 70 ngày kể từ thời điểm khâu vết mổ * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).	Tép	4.800	84.945	407.736.000
15	Chỉ phẫu thuật tan (Chỉ khâu tiêu) tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910 số 1, dài ≥ 90 cm, kim tròn dài 40mm, 1/2C. Kim thép 302 trở lên, phủ silicon. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).	Tép	16.136	87.325	1.409.076.200
16	Chỉ phẫu thuật tan (Chỉ khâu tiêu) tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910 số 2/0, dài ≥ 90 cm, kim tròn đầu cắt dài 36mm - 37mm. Kim phủ silicon. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).	Tép	879	59.850	52.608.150
17	Chỉ phẫu thuật tan (Chỉ khâu tiêu) tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910 số 2/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn dài 26mm, 1/2C. Kim thép 302 trở lên, phủ silicon. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).	Tép	19.680	78.750	1.549.800.000

STT	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
18	Chỉ phẫu thuật tan (Chỉ khâu tiêu) tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910 số 3/0, dài ≥ 70 cm, kim tròn dài 26mm, 1/2C. Kim thép 302 trở lên, phủ silicon. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).	Tép	624	70.788	44.171.712
19	Chỉ phẫu thuật tan (Chỉ khâu tiêu) tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910 số 4/0, chỉ dài ≥ 70 cm, kim tròn dài 20mm - 22mm, 1/2C. Kim thép 302 trở lên, phủ silicon. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).	Tép	5.916	65.000	384.540.000
20	Chỉ phẫu thuật tan (Chỉ khâu tiêu) tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910 số 5/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn dài 17mm, 1/2C. Kim thép 302 trở lên, phủ silicon. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).	Tép	160	66.990	10.718.400
21	Chỉ phẫu thuật tan (Chỉ khâu tiêu) tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910 số 6/0, dài ≥ 45 cm, 2 kim hình thang dài 8 mm, 1/4C. Kim thép 302 trở lên, phủ silicon. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).	Tép	36	190.488	6.857.568
22	Chỉ phẫu thuật tan (Chỉ khâu tiêu) tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910 số 6/0, dài ≥ 45 cm, kim tròn dài 13mm, 1/2C. Kim thép 302 trở lên, phủ silicon. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).	Tép	538	133.864	72.018.832
23	Chỉ phẫu thuật tan (Chỉ khâu tiêu) tổng hợp đa sợi	Polyglactin 910 số 7/0, dài 30cm, 2 kim hình thang dài 6mm - 6,5mm, 3/8C. Kim thép 302 trở lên, phủ silicon. * Đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE) hoặc Mỹ (FDA).	Tép	168	207.113	34.794.984
24	Chỉ phẫu thuật tan (Chỉ khâu tiêu) tổng hợp đa sợi	Polyglycolic Acid số 1, dài 90cm, kim tròn, dài 40mm, 1/2C	Tép	6.470	72.500	469.075.000
25	Dây truyền dịch	Bộ dây truyền dịch vô trùng 20 giọt/ml (có kim truyền) sử dụng 1 lần. Bao gồm: + Dây dài ≥ 150 cm bằng chất liệu nhựa dùng trong y tế. + Kim các cỡ bằng chất liệu thép không gỉ. + Van thông khí có màng lọc * Vô khuẩn, không có chất gây sốt, nội độc tố do vi khuẩn	Cái	316.262	4.620	1.461.130.440
26	Dây truyền dịch	Bộ dây truyền dịch vô trùng 20 giọt/ml (có kim truyền) sử dụng 1 lần. Bao gồm: + Dây dài ≥ 150 cm bằng chất liệu nhựa dùng trong y tế. + Kim các cỡ bằng chất liệu thép không gỉ. + Van thông khí có màng lọc + Có màng lọc dịch + Đầu nối vặn xoắn Luer Lock. * Vô khuẩn, không có chất gây sốt, nội độc tố do vi khuẩn.	Cái	62.100	11.800	732.780.000

STT	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
27	Dây truyền dịch	* Thể tích nhỏ giọt: 60 giọt/ml * Chiều dài: $\geq 180\text{cm}$ * Chất liệu: nhựa dùng trong y tế. * Vô khuẩn, không có chất gây sốt, nội độc tố do vi khuẩn.	Cái	570	7.497	4.273.290
28	Gạc phẫu thuật	* Kích thước: 10cm x 10cm, 6 lớp. * Chất liệu: 100% cotton. * Tốc độ hút nước ≤ 10 giây. * Vô trùng, có cản quang.	Miếng	135.000	630	85.050.000
29	Gạc phẫu thuật	* Kích thước: 10cm x 10cm, 6 lớp. * Chất liệu: 100% cotton. * Tốc độ hút nước ≤ 10 giây. * Vô trùng.	Miếng	3.453.320	492	1.699.033.440
30	Gạc phẫu thuật	* Kích thước: 10cm x 10cm, 8 lớp. * Chất liệu: 100% cotton. * Tốc độ hút nước ≤ 10 giây. * Vô trùng.	Miếng	203.000	525	106.575.000
31	Gạc phẫu thuật	* Kích thước: 10cm x 10cm, 8 lớp. * Chất liệu: 100% cotton. * Tốc độ hút nước ≤ 10 giây. * Vô trùng, có cản quang.	Miếng	546.512	585	319.709.520
32	Gạc phẫu thuật ổ bụng	* Kích thước: 30cm x 40cm, 6 lớp.* Chất liệu: 100% cotton. * Tốc độ hút nước ≤ 10 giây. * Vô trùng, có quai, có cản quang.	Miếng	344.354	4.822	1.660.474.988
33	Găng tay khám	* Chiều dài: $\geq 240\text{mm}$. * Các size: S, M, L * Chất liệu: cao su thiên nhiên dùng trong y tế.	Đôi	3.463.279	925	3.203.533.075
34	Găng tay phẫu thuật chưa tiệt trùng	* Chiều dài: $\geq 280\text{mm}$. * Các size: 6,5; 7; 7,5 * Chất liệu: cao su thiên nhiên dùng trong y tế.	Đôi	414.515	3.150	1.305.722.250
35	Kim luồn tĩnh mạch	* Số: 18 * Chất liệu: - Kim làm bằng thép không gỉ. - Catheter làm bằng nhựa dùng trong y tế.	Cái	14.672	3.780	55.460.160
36	Kim luồn tĩnh mạch	* Số: 22 * Chất liệu: - Kim làm bằng thép không gỉ. - Catheter làm bằng nhựa dùng trong y tế.	Cái	7.384	3.780	27.911.520
37	Kim luồn tĩnh mạch an toàn	* Số 16G * Chất liệu: Kim làm từ thép không gỉ.	Cái	120	3.675	441.000

STT	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đồng)	Thành tiền (đồng)
38	Kim luân tĩnh mạch an toàn	* Số: 18 * Chất liệu Catheter: FEP - Teflon hoặc PU (Polyurethane) * Kim luân có cánh, có cửa tiêm thuốc. * Có đầu bảo vệ. * Có đường cân quang trong lòng catheter. * Có màng kị nước chống máu tràn ra.	Cái	22.494	17.850	401.517.900
39	Kim luân tĩnh mạch an toàn	* Số: 20 * Chất liệu Catheter: FEP - Teflon hoặc PU (Polyurethane) * Kim luân có cánh, có cửa tiêm thuốc. * Có đầu bảo vệ. * Có đường cân quang trong lòng catheter. * Có màng kị nước chống máu tràn ra.	Cái	50.110	17.850	894.463.500
40	Kim luân tĩnh mạch an toàn	* Số: 22 * Chất liệu Catheter: FEP - Teflon hoặc PU (Polyurethane) * Kim luân có cánh, có cửa tiêm thuốc. * Có đầu bảo vệ. * Có đường cân quang trong lòng catheter. * Có màng kị nước chống máu tràn ra.	Cái	198.588	17.850	3.544.795.800
41	Kim luân tĩnh mạch an toàn	* Số: 24 * Chất liệu Catheter: FEP - Teflon hoặc PU (Polyurethane) * Kim luân có cánh, không cửa tiêm thuốc. * Có đầu bảo vệ. * Có đường cân quang trong lòng catheter. * Có màng kị nước chống máu tràn ra.	Cái	109.692	16.800	1.842.825.600
42	Ống nghiệm nhựa chứa EDTA	* Chất liệu: ống nghiệm và nắp bằng nhựa dùng trong y tế. * Chứa K2 - EDTA * Thể tích chứa mẫu: 2ml	Ống	398.770	798	318.218.460
43	Ống nghiệm nhựa chứa EDTA	* Chất liệu: - Ống nghiệm bằng nhựa dùng trong y tế - Nắp ống nghiệm bằng nắp cao su bọc nhựa. * Chứa K2 - EDTA * Thể tích chứa mẫu: 2ml	Ống	456.418	1.365	623.010.570
44	Ống nghiệm nhựa chứa Heparin	* Chất liệu: ống nghiệm và nắp bằng nhựa dùng trong y tế. * Chứa Heparin * Thể tích chứa mẫu: 2ml	Ống	423.265	850	359.775.250
Danh mục này gồm 44 mặt hàng			Tổng giá trị:		32.290.499.229	

